CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Date: 2024.07.12 16:24:49 +07'00'

true friend KIM Vietnam Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2024
Ho Chi Minh City, July 15, 2024

Số/ *No .:* 20240715/KTGD/FUEKIVND-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission of Vietnam*
/To : Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants/ Invest*

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VND/ *KIM GROWTH VND ETF*
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* **FUEKIVND**
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
  Fund Management company: *KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
  Supervisory Bank: *Bank for Investment and Development ò VietNam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch*
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* **12/07/2024**
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
  1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ ***We announce the creation basket as follow:***

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Số lượng *Volume*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weight (%)*
I. Chứng khoán/ ***Securities***			
1	ACB	3,900	7.56%
2	BMP	100	0.78%
3	CTG	600	1.55%
4	FPT	1,700	18.15%
5	GMD	2,000	13.44%
6	HDB	2,200	4.47%
7	KDH	900	2.79%
8	MBB	2,900	5.38%
9	MSB	1,700	1.96%
10	NLG	1,000	3.45%
11	OCB	1,100	1.28%
12	PNJ	1,700	13.29%
13	REE	1,300	7.46%
14	TCB	4,000	7.32%
15	TPB	1,100	1.58%
16	VIB	1,100	1.88%
17	VPB	2,400	3.67%
18	VRE	1,700	2.83%
II. Tiền/ ***Cash***			
	Tiền/ *Cash* (VND)	14,285,756	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spead between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ B*asket value* : (VND) **1,231,250,000**

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* : (VND) **1,245,535,756**

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* : (VND) **14,285,756**

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ *Cash Substitution per share (VND)*	Đối tượng áp dụng/ *Applied to*	Lý do/ *Reason*
1	ACB	24,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	MBB	23,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
3	NLG	43,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
4	OCB	14,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	PNJ	97,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	REE	71,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	VIB	21,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ *Criteria*	Kỳ này/ *This period* (*) 12/07/2024	Kỳ trước/ *Last period* (**) 11/07/2024	Chênh lệch/ *Difference*
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation units issued*			-
2. Số lô đã mua lại/ *Creation units redeemed*			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Outstanding shares*	5,100,000	5,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ *Closing price*	12,480.00	12,480.00	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net asset value at valuation date*			
của quỹ ETF/ *of the Fund*	63,522,323,561	63,765,268,307	(242,944,746)
của 1 lô CCQ ETF/ *per ETF creation unit*	1,245,535,756	1,250,299,378	(4,763,622)
của 1 CCQ/ *per Share*	12,455.35	12,502.99	(47.64)
6. Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	2,278.06	2,281.55	(3.49)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 11/07/2024 */ Item 5 is net asset value at 11/07/2024*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 10/07/2024 */ Item 5 is net asset value at 10/07/2024*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Yun Hang Jin

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊ